

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định định mức các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ, miễn, giảm
chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2327/TTr-SLĐTBXH ngày 15 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức các khoản đóng góp chi phí cai nghiện ma túy đối với đối tượng cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh (sau đây viết tắt là Cơ sở) và đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Chế độ miễn, giảm chi phí cai nghiện ma túy đối với đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định trên địa bàn tỉnh tự nguyện cai nghiện tại Cơ sở; người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

Điều 3. Mức đóng góp chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở

1. Người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy tại Cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này hoặc gia đình người cai nghiện tự nguyện có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí cai nghiện như sau:

STT	Nội dung chi phí	Chi phí đóng góp (đồng)	
		Tháng thứ nhất	Từ tháng thứ 2 và các tháng tiếp theo
1	Tiền ăn của học viên tự nguyện hàng tháng là 0,8 mức lương cơ sở		
2	Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác	400.000	100.000
3	Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác	200.000	-
4	Chi phí chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ hàng năm là 0,9 mức lương cơ sở.		
5	Sinh hoạt văn nghệ, thể thao	70.000	-
6	Điện, nước sinh hoạt, vệ sinh	80.000	80.000
7	Phục vụ, quản lý	100.000	100.000
8	Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất	100.000	-

2. Người tự nguyện cai nghiện ma túy tại Cơ sở có nhu cầu học văn hóa, học nghề thì đóng góp chi phí học nghề, học văn hóa theo quy định của tỉnh tại thời điểm cụ thể.

Điều 4. Mức đóng góp chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hoặc gia đình của người cai nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí cai nghiện như sau:

- a) Chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
- b) Chi phí xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
- c) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;
- d) Tiền ăn trong thời gian tập trung cắt cơn nghiện tập trung tại Cơ sở (đối với trường hợp người cai nghiện thực hiện việc cắt cơn nghiện tại Cơ sở): 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

2. Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma túy theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu đối tượng có nhu cầu.

Điều 5. Chế độ hỗ trợ và miễn, giảm chi phí cai nghiện

1. Chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở:

a) Miễn đóng góp tiền ăn và chi phí chữa bệnh, cai nghiện trong thời gian tham gia cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở đối với các trường hợp thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS.

b) Giảm 50% mức đóng góp tiền ăn và chi phí chữa bệnh, cai nghiện trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo.

2. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng:

Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định và các khoản khác theo quy định.

Điều 6. Quản lý và sử dụng kinh phí đóng góp

1. Thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp:

a) Các khoản đóng góp của người tự nguyện cai nghiện quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này, đơn vị được giữ lại 100% để chi vào tiền ăn và chi phí điều trị, cai nghiện cho đối tượng; chi phí phục vụ, quản lý trên cơ sở các khoản thu đảm bảo bù đắp chi phí.

b) Đơn vị thu có trách nhiệm quản lý các khoản đóng góp, chi và quyết toán các khoản đóng góp theo đúng quy định.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy định nội dung, định mức chi phí cai nghiện ma túy và hướng dẫn trình tự, thủ tục xét miễn, giảm chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Website tỉnh và Văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các phòng: KGVH, NC, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình